



GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG CHO SINH VIÊN HỆ SƯ PHẠM TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT HƯNG YÊN

**Phan Thị Thanh Cảnh, Nguyễn Thị Duyên, Lê Thị Thu Thủy,
Lê Ngọc Phương, Hoàng Thị Ngọc**
Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 20/04/2017

Ngày phân biên đánh giá và sửa chữa: 15/05/2017

Ngày bài báo được duyệt đăng: 09/06/2017

Tóm tắt:

Bài báo này trình bày về nội dung nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu và một số kết quả nghiên cứu: Nhận thức của sinh viên về KNS và mức độ cần thiết phải giáo dục KNS; Quan niệm của sinh viên về KNS; Biểu hiện KNS của SV; Các yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục KNS; một số biện pháp giáo dục KNS cho SV hệ SP trường ĐHSPKT Hưng Yên.

Từ khóa: Kỹ năng sống; Giáo dục kỹ năng sống.

Từ viết tắt: KNS: Kỹ năng sống; GDKNS: Giáo dục kỹ năng sống; SV: Sinh viên; ĐTB: Điểm trung bình; Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên: ĐHSPTK Hưng Yên.

1. Đặt vấn đề

Xã hội hiện đại có những thay đổi toàn diện về kinh tế, văn hóa, xã hội và lối sống với tốc độ nhanh. Chính vì vậy, con người trong xã hội hiện đại cần phải có kỹ năng sống để đáp ứng những thách thức và thời cơ trong quá trình toàn cầu.

Năm 2000, 164 quốc gia và các đối tác đã gặp nhau tại Dakar để tái khẳng định cam kết toàn cầu của họ và thông qua 6 mục tiêu giáo dục cho mọi người. Trong đó 2 mục tiêu quan trọng là:

Mục tiêu 3: Khẳng định rằng nhu cầu học tập của tất cả già trẻ đều được đáp ứng công bằng thông qua chương trình giáo dục và học tập kỹ năng sống phù hợp.

Mục tiêu 6: Tăng cường chất lượng giáo dục ở mọi lĩnh vực, và khẳng định rằng mọi người đều nhận thức được các mục tiêu học tập và đạt được mục tiêu dưới dạng đo lường được, đặc biệt trong việc học chữ, tính toán và những kỹ năng sống thiết yếu cơ bản.

Theo điều tra của Viện khoa học giáo dục Việt Nam, có tới 83% sinh viên ra trường bị các nhà tuyển dụng đánh giá là thiếu kỹ năng sống, tình trạng này đã khiến không ít sinh viên mất cơ hội trên bước đường lập nghiệp.

Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Hưng Yên là một trong những trường đào tạo giáo viên các trường nghề. Vì vậy sinh viên hệ sư phạm của trường ngoài khối kiến thức Kỹ thuật, kiến thức Sư phạm cần trang bị thêm các kỹ năng sống cơ bản để sau khi tốt nghiệp đáp ứng được yêu cầu công việc.

Hiện nay, trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên đã bước đầu xây dựng chương trình giáo dục Kỹ năng sống cho sinh viên trong trường.

2. Nội dung và phương pháp nghiên cứu

2.1. Nội dung nghiên cứu

- Tìm hiểu nhận thức, thái độ và hành động của SV về KNS.
- Phát hiện các yếu tố ảnh hưởng đến KNS của SV hệ SP trường ĐHSPTK Hưng Yên.
- Đề xuất các biện pháp giáo dục KNS cho SV hệ SP trường ĐHSPTK Hưng Yên.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi: tiến hành điều tra 165 sinh viên hệ sư phạm và 14 cán bộ giảng viên khoa Sư phạm kỹ thuật;
- Phương pháp phỏng vấn sâu
 - Phương pháp xử lý kết quả bằng thống kê toán học và phần mềm SPSS

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Nhận thức của sinh viên về KNS

3.1.1. Nhận thức chung của SV về khái niệm KNS

Với khái niệm KNS là khả năng làm cho hành vi và sự thay đổi của mình phù hợp với cách ứng xử tích cực giúp con người có thể kiểm soát, quản lý có hiệu quả các nhu cầu và những thách thức trong cuộc sống hàng ngày, Phần lớn sinh viên đã nhận thức được khái niệm KNS (68,7%). Một số ít SV chỉ hiểu KNS là kỹ năng tối thiểu của con người để tồn tại (4,3%), còn một số thì hiểu chưa đầy đủ khái niệm KNS (27%).

Nhìn vào số liệu này chúng ta có thể thấy rằng, với SV đại học thì hầu hết các em có nhận thức tương đối đầy đủ về khái niệm.

3.1.2. Quan niệm của sinh viên hệ sư phạm trường ĐH SPKT Hưng Yên về KNS

Điểm trung bình chung cho nhận thức khái niệm KNS của toàn mẫu là $= 3.006$. So với điểm tối đa của phần này thì điểm đạt được là tương đối cao. Xét theo tỷ lệ %, SV nhận thức được 76% các item đưa ra. Điều này cũng cho thấy, trong 12 KNS đưa ra cho phần khái niệm, cũng có nhiều SV nhìn nhận không đúng và không biết đó có phải là KNS hay không. Chính vì vậy, có sự nhầm lẫn khi xem xét theo từng KN cụ thể.

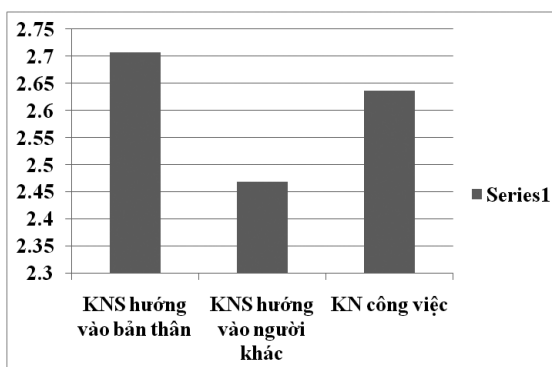
Xét theo từng KN cụ thể, các KN giao tiếp, ứng xử; xác định mục tiêu; giải quyết mâu thuẫn, phối hợp, hợp tác, giải quyết vấn đề được SV nhận thức rõ nhất. Điều đáng lưu ý là những KNS như KN kiên định, KN tìm kiếm sự giúp đỡ và tìm kiếm việc làm không được SV nhìn nhận đúng.

3.1.3. Nhận thức của sinh viên hệ sư phạm trường ĐH SPKT Hưng Yên về vai trò KNS

Đa số SV (83,6%) cho rằng KNS giúp chúng ta thành đạt trong cuộc sống, sự lựa chọn này xếp vị trí đầu tiên; tiếp đến là giúp chúng ta có hành vi sống lành mạnh, có văn hóa; giúp chúng ta ứng xử, giao tiếp thành công... Trong các vai trò này, vai trò giúp SV có việc làm tốt xếp vị thứ cuối cùng. Như vậy, SV chưa nhìn nhận được vai trò của KNS với nghề nghiệp tương lai của mình. Nhiều công trình nghiên cứu đã chỉ ra rằng việc thiếu KNS đã ảnh hưởng trực tiếp đến nghề nghiệp của SV.

3.2. Nhận thức của SV hệ SP trường ĐH SPKT Hưng Yên về mức độ cần thiết phải giáo dục KNS

Khi nhìn nhận về sự cần thiết của từng KNS cụ thể, kết quả điều tra cho thấy những KN như tự nhận thức về các giá trị của bản thân; tự xác định mục đích cuộc sống, kế hoạch đường đời của bản thân; giao tiếp ứng xử; lựa chọn và xác định giá trị của công việc; xác định mục tiêu công việc; đánh giá, rút kinh nghiệm công việc được SV đánh giá ở mức độ cần thiết nhất.



Biểu đồ 1. So sánh nhận thức KNS của SV

Như vậy, theo đánh giá của SV trước khi thực hiện tốt những KN hướng vào người khác thì cần thiết phải có những KN hướng vào bản thân mình, tiếp đến là những KN liên quan đến công việc. Nhìn nhận này cơ bản phù hợp và tích cực, bởi nếu không thể quan hệ với bản thân tốt thì không thể có các mối quan hệ xã hội tốt. Các mối quan hệ xã hội chỉ có thể trở nên tốt đẹp, giao tiếp chỉ thành công khi cá nhân biết tự nhận thức đúng về mình, biết được mình là ai, biết mục đích của mình là gì. Đồng thời, SV cũng cho rằng những KN hướng vào công việc là rất cần thiết bởi vì vấn đề quan tâm hàng đầu của SV cũng như mục tiêu trực tiếp của họ là việc làm. Qua sự nhìn nhận này, chúng tôi cũng thấy được mối liên hệ giữa các KNS. Các KNS hướng vào cá nhân, KNS hướng vào người khác, KNS hướng vào công việc có mối quan hệ tương hỗ nhau. KN này chỉ có thể tốt hơn khi có KN khác và ngược lại. Tất cả những KN này đều cần thiết đối với mỗi người, đều góp phần làm cho cuộc sống của chúng ta thành công hơn, hạnh phúc hơn. Tuy nhiên, ở mỗi lứa tuổi, mỗi đối tượng, trong từng hoàn cảnh, điều kiện cụ thể có thể nổi lên một số KN quan trọng. Điều này xuất phát từ đặc điểm KNS mang tính xã hội.

3.3. Biểu hiện KNS của SV hệ SP trường ĐH SPKT Hưng Yên qua một số KN tiêu biểu

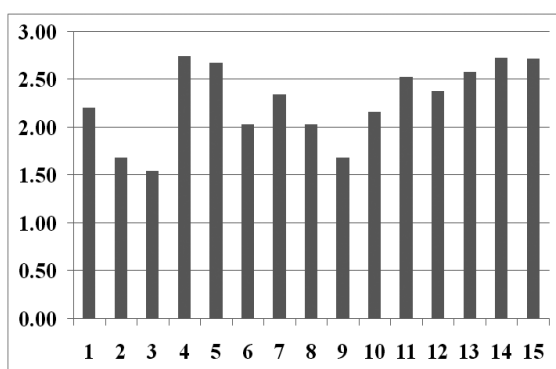
Xét từng KNS cụ, chúng ta cũng thấy có sự khác nhau về điểm trung bình của từng KNS. Những KN được SV thực hiện ở mức độ tốt nhất là KN lắng nghe người khác, chia sẻ với người khác, động viên, hòa nhập, tự nhận thức. Lý giải cho kết quả này có thể thấy những KN kể trên liên quan trực tiếp đến từng tình huống giao tiếp cụ thể, từng mối quan hệ xã hội. Vì vậy SV dễ nhìn nhận, đánh giá hơn so với những KN còn lại. Các KN điều khiển người khác, hướng vào người khác, thiết lập các mối quan hệ xã hội, quản lý thời gian, chấp nhận người khác, xây dựng hình ảnh bản thân xếp thứ hạng cuối cùng lại mang tính khái quát hơn, muốn đánh giá được mức độ thực hiện những KN này phải có sự đánh giá trong thời gian dài. Đồng thời, đây cũng không phải là những KN dễ thực hiện tốt, nhất là đối với SV. Để điều khiển được người khác, hướng vào người khác, thiết lập được các mối quan hệ xã hội, chấp nhận người khác đòi hỏi mỗi người phải có sự hiểu biết tốt về các mối quan hệ, nắm được đặc điểm đa dạng của các thành phần trong xã hội, có kinh nghiệm giao tiếp, đi nhiều, tiếp xúc với nhiều người... Những yêu cầu này khá cao so với SV, phạm vi quan hệ xã hội của SV còn bó hẹp trong nhà trường và gia đình, chưa có sự trải nghiệm nhiều... Do đó, bố mẹ, thầy cô giáo cần tạo điều kiện, cơ hội để SV tham gia và hoạt động, giao

tiếp để họ mở rộng kinh nghiệm sống, để họ không quá “nai” khi bước vào đời.

So sánh mối tương quan giữa biểu hiện KNS với nhận thức về khái niệm KNS, hệ số tương quan nhị biến $r = 0,371$ với $p < 0,01$. Điều này khẳng định, nhận thức càng cao thì KNS càng tốt; nhận thức và hành vi luôn bổ sung, hỗ trợ nhau; nhận thức là cơ sở, kim chỉ nam để có hành động đúng và ngược lại, hành vi vừa là kết quả của nhận thức nhưng đồng thời nó cũng giúp nhận thức được vững chắc hơn, có cơ sở hơn, được mở rộng hơn. Đây là nguyên nhân đầu tiên dẫn đến kết quả biểu hiện KNS của SV đã nêu trên. Vì vậy công tác giáo dục KNS cho SV cần quan tâm đến cả nhận thức và hành vi.

3.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến KNS của SV hệ sư phạm trường ĐH SPKT Hưng Yên

Chúng tôi đã đưa ra một số yếu tố cụ thể về phía bản thân SV, Nhà trường, gia đình và xã hội, yêu cầu SV đánh giá mức độ ảnh hưởng của các yếu tố. Dựa vào tổng điểm trung bình của các nhóm yếu tố ảnh hưởng, chúng tôi vẽ biểu đồ sau:



Biểu đồ 2. Các yếu tố ảnh hưởng đến KNS của SV

Kết quả từ biểu đồ 2. cho thấy, trong 15 yếu tố đã được liệt kê ra thì yếu tố lớn nhất là sự tự giáo dục, tự ý thức của bản thân, tiếp theo là đặc điểm khí chất, tính cách của bản thân, thứ 3 là ông bà, cha mẹ. Qua đó, có thể thấy rằng muốn giáo dục KNS cho sinh viên thì trước tiên là phải tác động trực tiếp đến SV, tiếp theo là ảnh hưởng của gia đình đối với việc hình thành KNS của SV. Một số yếu tố ít ảnh hưởng tới KNS của SV như láng giềng, sự quan tâm của Đảng bộ, Chi bộ, Ban giám hiệu, Công đoàn Trường. Điều này chứng tỏ tính độc lập tự chủ của SV so với các cấp học khác.

3.5. Biện pháp giáo dục kỹ năng sống cho sinh viên trường ĐHSPKT Hưng Yên

3.5.1. Giáo dục KNS cho SV trường ĐH SPKT Hưng Yên thông qua lồng ghép, tích hợp vào các

môn học

Tùy vào môn học cụ thể để tiến hành lồng ghép nội dung giáo dục nói chung và giáo dục KNS nói riêng cho phù hợp, sao cho không gò bó, khiên cưỡng.

Đối với giáo viên, trước hết họ phải chuẩn bị ý thức lồng ghép các nội dung giáo dục vào bài giảng, xác định nội dung nào lồng ghép, bài nào, chương nào sao cho phù hợp. Làm sao để lồng ghép vừa thực hiện mục tiêu giáo dục nhưng không ảnh hưởng đến tiến trình nội dung bảo dạy, chương trình môn học.

Hình thức tổ chức lồng ghép cũng rất đa dạng, linh hoạt, có thể tiến hành ngay trong bài giảng, có thể cho sinh viên thảo luận, viết thu hoạch, làm bài tập thực hành, viết cảm tưởng, làm tiểu luận... những vấn đề vừa liên quan đến tri thức, kỹ năng môn học, vừa lồng nội dung giáo dục KNS cho SV. Những kiến thức và kỹ năng được lồng ghép phải được thể hiện cả trong quá trình kiểm tra, đề thi. Đó là bằng chứng để đánh giá GV có ý thức lồng ghép các nội dung giáo dục trong bài giảng hay không.

GV cần tăng cường các bài tập vận dụng, bài tập tình huống thông qua đó để SV vận dụng KNS giải quyết các tình huống đặt ra.

3.5.2 Giáo dục KNS cho SV sư phạm trường ĐH SPKT Hưng Yên thông qua tham vấn

Để tổ chức tham vấn đạt kết quả cao cần chú ý một số vấn đề sau:

Bước 1: Chuẩn bị tâm thế

Người thực hiện vai trò tham vấn cần luôn tự nhủ rằng: SV đến tham vấn là họ tin cậy mình, họ nói hết những điều họ đang gặp phải, kể cả những hành vi trái với đạo đức, pháp luật, nhưng mình phải kiểm soát được cảm xúc, đặt mình vào vị trí của SV để hiểu được hành vi và bối cảnh của SV, giữ được thái độ khách quan và bảo mật.

Hình thức tham vấn nên lựa chọn sao cho phù hợp với đối tượng, thời gian, địa điểm. Các hình thức tham vấn phổ biến hiện nay là: Tham vấn qua điện thoại; tham vấn qua email; tham vấn trực tiếp.

Mỗi hình thức tham vấn đều có những ưu, nhược điểm nhất định và có những yêu cầu riêng của nó. Nhà tham vấn cần tận dụng triệt để ưu điểm của từng hình thức và có thể phối kết hợp chúng với nhau một cách linh hoạt để tiến hành tham vấn có hiệu quả.

Bước 2: Cách thức tiến hành

Quá trình tham vấn có thể được tiến hành theo 2 dạng: Tổ chức tham vấn theo định kì, tham vấn không theo định kì, khi SV yêu cầu.

Dù tiến hành tổ chức tham vấn theo định kì

hay theo yêu cầu bất chợt của SV, thì quá trình tham vấn vẫn phải được diễn ra thoải mái, tin cậy lẫn nhau. Trong quá trình tham vấn cần đảm bảo rằng:

Nhà tham vấn phải lắng nghe, tránh dạy bảo, khuyên răn, tạo cơ hội cho SV nói, bộc bạch suy nghĩ của bản thân, nêu ra những vướng mắc, nguyện vọng của họ. Nhà tham vấn phải nắm bắt được SV đang cần gì, muốn gì để tìm cách đáp ứng nhu cầu người đến tham vấn.

Bước 3: Đánh giá, rút kinh nghiệm

Sau mỗi buổi tham vấn hay mỗi ca tham vấn, cán bộ tham vấn cần tự đánh giá lại kết quả buổi tham vấn, tự rút ra những bài học kinh nghiệm xác đáng để những buổi tham vấn sau có hiệu quả tốt hơn.

Do vậy, để thực hiện tốt các biện pháp trên, đòi hỏi nhà tham vấn phải là người có kiến thức về lĩnh vực KNS, cán bộ tham vấn phải luôn đặt mình vào vị trí SV, nhìn vấn đề qua lăng kính của SV để đưa ra những câu hỏi cho SV suy nghĩ tự lựa chọn cách giải quyết vấn đề. Tuyệt đối không quyết định thay cho SV, dưới hình thức tư vấn cho họ nên làm hay giải quyết theo cách này hay cách khác.

3.5.3. Tuyên truyền về KNS và giáo dục KNS cho những người có liên quan

Để các nội dung liên quan đến giáo dục KNS chuyển tải có hiệu quả, đến được với nhiều người, có thể thực hiện thông qua nhiều hình thức khác nhau như: phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng, phát tờ rơi, sách mỏng, tổ chức các hội thảo chuyên đề, đưa nội dung giáo dục KNS vào các hoạt động văn hóa, văn nghệ, sinh hoạt cộng đồng tại địa phương...

3.5.4. Phối hợp giữa nhà trường, gia đình và các tổ chức, đoàn thể trong việc giáo dục KNS cho SV

Sự phối hợp giữa gia đình và nhà trường có ý nghĩa quan trọng trong việc giáo dục KNS cho SV. Gia đình được SV đánh giá là yếu tố có ảnh hưởng mạnh mẽ nhất đến KNS của mình. Nhà trường là cơ quan chuyên trách việc giáo dục, trong đó có giáo dục KNS, vì vậy, nội dung giáo dục KNS ở nhà trường mang tính khoa học, có kế hoạch, được gia công sư phạm và được thực hiện bởi đội ngũ các nhà sư phạm. Sự phối hợp giữa gia đình và nhà trường trong giáo dục KNS nhằm hỗ trợ, cung cấp thông tin cho nhau, chia sẻ với nhau về mục đích, nội dung, nguyên tắc, phương pháp giáo dục KNS cho SV; tránh hiện tượng mâu thuẫn trong quá trình tác động theo kiểu “trống đánh xuôi, kèn thổi ngược” sẽ làm giảm hiệu quả tác động, thậm chí mang lại hậu quả đáng tiếc.

3.5.5. Thành lập Câu lạc bộ/Trung tâm giáo dục

KNS cho SV trường ĐH SPKT Hưng Yên thông qua các chủ đề giáo dục được thiết kế

Một chủ đề giáo dục KNS cần được tiến hành theo tiến trình các bước sau:

Bước 1: Khám phá

Mục tiêu của bước khám phá: Khuyến khích người học xác định những khái niệm, kỹ năng liên quan đến bài học, đồng thời giúp học sinh tự tìm hiểu xem các em đã biết gì về những khái niệm, kỹ năng, kiến thức đã được học..

Bước 2: Kết nối

Mục tiêu: Giới thiệu thông tin, kiến thức và kỹ năng mới thông qua việc tạo “cầu nối” liên kết giữa cái “đã biết” và “chưa biết”. Cầu nối này sẽ kết nối kinh nghiệm hiện có của học sinh với bài mới.

Bước 3: Thực hành/ luyện tập

Mục tiêu: Tạo cơ hội cho người học thực hành vận dụng kiến thức và kỹ năng mới vào một bối cảnh/ hoàn cảnh/ điều kiện có ý nghĩa. Định hướng để người học thực hành đúng cách, đồng thời điều chỉnh những hiểu biết và kỹ năng còn sai lệch.

Bước 4: Vận dụng

Mục tiêu: Tạo cơ hội cho người học tích hợp, mở rộng và vận dụng kiến thức, kỹ năng có được vào các tình huống/ bối cảnh mới.

Bước 5: Đánh giá kết quả giáo dục của chủ đề

Sau khi tiến hành hoạt động, cần đánh giá hiệu quả giáo dục của chủ đề. Vì mục tiêu hướng đến hình thành các kỹ năng cần thiết nên cần phải đánh giá về mặt kỹ năng. Có thể tiến hành đánh giá kết quả chủ đề bằng các phương pháp sau: Quan sát, xử lý tình huống, trải nghiệm khách quan, ...

Kết luận

Nhìn chung, KNS của hệ SV sư phạm trường ĐH SPKT Hưng Yên phát triển, thể hiện qua việc thực hiện ở mức độ tốt hơn là mức độ chưa tốt các KNS. Tuy nhiên, khi xem xét các biểu hiện cụ thể cũng như nghiên cứu một số KNS quan trọng gồm KN giao tiếp, KN ứng phó stress, KN làm việc nhóm, KN tự nhận thức, KN xác định mục tiêu cuộc đời thì còn có nhiều điểm hạn chế, cần quan tâm giáo dục. SV hạn chế ở nhiều mặt như KN lắng nghe, cách tìm kiếm sự hỗ trợ xã hội khi ứng phó với stress, sử dụng nhiều cách ứng phó tiêu cực, chưa nhận thức được nhiều đặc điểm của bản thân...

Có nhiều biện pháp giáo dục KNS cho SV. Kết quả thử nghiệm cho thấy việc mở các lớp tập huấn KNS cho SV có thể mang lại hiệu quả cao, làm phát triển KNS của SV, thay đổi nhận thức, hành vi của SV theo hướng tích cực.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Nguyễn Thanh Bình (2008), *Giáo trình chuyên đề giáo dục kỹ năng sống*, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội;
- [2]. Nguyễn Đăng Đông (2010), “*Thực trạng và giải pháp giáo dục đạo đức cho sinh viên sư phạm*”, Tập san Thông tin khoa học và công nghệ Trường ĐH PVĐ (2), Quảng Ngãi, tr. 109;
- [3]. Thanh Hà (2009), “*Đưa giáo dục kỹ năng sống vào chính khóa*”, <http://www.tuoitre.com.vn/>, truy cập ngày 09/12/2009;
- [4]. Vũ Thị Nho (1999), *Tâm lý học phát triển*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội;
- [5]. Nguyễn Quang Uẩn (2009), *Chuyên đề Hệ thống cơ sở lý luận cơ bản về kỹ năng sống và giáo dục kỹ năng sống cho thiếu nhi thủ đô*, Đề tài (NCKH cấp Nhà nước) 01X- 06/03- 2009-02), Thành đoàn Hà Nội, Hà Nội.

**LIFE SKILLS EDUCATION FOR STUDENTS UNIVERSITY PEDAGOGICAL
HUNG YEN UNIVERSITY OF TECHNOLOGY AND EDUCATION**

Abstract:

This paper presents the research content; research methods and some of the results of research: Perception of students on life skills and the level of need for life skills education; The conception of students about life skills; Expression of the students life skills; Factors affecting life skills education; some measure of education life skills for students pedagogical Hung Yen University of Technology and Education.

Keywords: *life skills, life skills education.*